TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2019
V/v tranh chấp về ly hôn giữa bà H và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Kim Phượng
2.Ông Phạm Văn Trung
-*Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Văn Hòa–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2019/TLST.HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp BN, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
2.Bị đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp BN, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày và có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T do mai mối, tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng do lo việc làm ăn nên đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu thì cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vả và cả hai đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài được nên bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Lý Văn T.
- *Về con chung:* Có một con chung tên Lý Thanh T, sinh ngày 26/5/1998. Hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động.
- *Về tài sản chung:* Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nên bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn ông Lý Văn T trình bày và có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Ông Lý Văn T thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc H là giữa ông và bà H tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng do lo việc làm ăn nên đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu thì cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vả đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lý Văn T.

- *Về con chung:* Có một con chung tên Lý Thanh T, sinh ngày 26/5/1998. Hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung:* Giữa ông Lý Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nên ông Lý Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về tài sản chung: Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Lý Văn T trình bày: Ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về hôn nhân*: Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, có tổ chức lễ cưới, nhưng ông bà vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Như vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong hôn nhân, mà áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T là vợ chồng.

[3]*Về nuôi con chung*: Có một con chung tên Lý Thanh T, sinh ngày 26/5/1998. Hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T trình bày về tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T là vợ chồng.

2.Về nuôi con chung: Có một con chung tên Lý Thanh T, sinh ngày 26/5/1998. Hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lý Văn T trình bày về tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001280 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THA dân sự huyện Châu Phú;
- UBND thị trấn CD, huyện Châu Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Võ Việt Nam